

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 04: từ ngày 08/09/2025 đến ngày 14/09/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K10-VDTY	Sáng					
K11-VDTY		<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	KTNPB cho chó mèo (Lệ) 4	KT TG (Nga) 4	CD và ĐTH thú y (Vân) 4
P.E201	Chiều	Vi sinh vật học TY (Duyên) 3				
K9-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	
P.E202	Chiều		KT thuế (T.Thảo) 4			Luật kinh tế (Huyền) 4
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kỹ năng mềm (Dung) 2
K11-KTDN						Anh văn CN (Phiên) 2
P.E202	Chiều		KT thuế (T.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Thống kê DN (Thuý) 4	Luật kinh tế (Huyền) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1	Sáng					
P.B201		<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Cây rau (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
	Chiều	Cây dược liệu (Bình) 3				
TT65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1	Đất và phân bón (Hương) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Pháp luật (Huyền) 2	Giống cây trồng (Huyền) 4
P.B201		Tin học (Thoa) 4			GD chính trị (Quế) 2	
	Chiều					
CN64A1	Sáng					
P.E203		<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1	Ký sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPB cho lợn (Hưng) 4	KTNPB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPB cho gà vịt (Quyên) 4
	Chiều	KTNPB cho trâu bò (Vân) 3				
CN64A3	Sáng					
P.E204		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	KTNPB cho chó mèo (Quyên) 4	KTNPB cho trâu bò (Phượng) 4	KTNPB cho gà vịt (Hoà) 4	KTNPB cho lợn (Nga) 4
	Chiều	KTNPB cho gà vịt (Hoà) 3				
CN65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giáo dục chính trị (Tài) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4
P.B202		Dược lý thú y (Lệ) 4		GDTC (Thuý) 2		
	Chiều					

CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 Dược lý thú y (Duyên) 4	GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Hội) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD và thức ăn CN (Quyển) 4
	Chiều					
CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4	Dược lý thú y (Lệ) 2 GDTC (Hà) 2	GD chính trị (Quế) 2 Pháp luật (Nga) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
	Chiều					
LN65A P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Đo đạc (Tuyết) (P.E203) 4	An toàn lao động (Hùng) (P.E203) 2 Pháp luật (Nga) 2	Tiếng anh (Linh) 2 GD chính trị (Quế) 2	Đo đạc (Tuyết) (P.E203) 2 GDTC (Hội) 2	An toàn lao động (Hùng) (P.E203) 2 Tiếng anh (Linh) 2
		<i>Các môn Tiếng anh, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp KTDN65A1 tại P. B103</i>				
KTDN64A1 P.B101	Sáng					
	Chiều	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4	Thống kê doanh nghiệp (Thuý) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4
KTDN64A2 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	Thuế (P.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Thống kê DN (Thuý) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1 Lý thuyết KT (Q.Mai) 4	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Pháp luật (Nga) 2	Tiếng anh (Linh) 2 GD chính trị (Quế) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 GDTC (Hội) 2	Kỹ năng mềm (Dung) 2 Tiếng anh (Linh) 2
	Chiều					
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1 Kinh tế vi mô (Thuý) 4	Kỹ năng mềm (Sơn) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	GD chính trị (Thắm) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Quang) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2
	Chiều					
CNTT64A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1 Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3	XD phần mềm QL BH (Hà) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCS DL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4
CNTT64A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Lập trình Window (Thảo) 3	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCS DL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	XD phần mềm QL BH (Hà) 4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1 Kỹ năng mềm (Sơn) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Thuý) 2	Tin học (Hà) 4	GD chính trị (Thắm) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	Tin học (Hà) 4
	Chiều					
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 4	Pháp luật (Huyền) 2 Kỹ năng mềm (Sơn) 2	Tin học (Phương) 4	GDTC (Hà) 4	Tin học (Phương) 4
	Chiều					

ĐCN64A1 P.E103	Sáng			Trang bị điện (Nga)	4		
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Tuấn) Cung cấp điện (Tuấn)	1 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và DHKK (Giáp)	4
ĐCN64A2 P.E104	Sáng			Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4		
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Giáp) KT máy lạnh và DHKK (Giáp)	1 3	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4
ĐCN64A3 P.E102	Sáng			KT máy lạnh và DHKK (Giáp)	4		
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) Trang bị điện (Nga)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Trang bị điện (Nga)	4
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huyền) Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Cung cấp điện (Nga)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức) Tin học (Hà)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều					Tin học (Hà)	4
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiến) Vật liệu điện (N.Đức)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều					Tin học (Phương)	4
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) Mạch điện (Dương)	1 4	Tin học (Phương)	4	An toàn điện (Hòa)	4
	Chiều					Vật liệu điện (P.Anh)	4
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga) Tiếng anh (K.Nhung)	1 4	Tin học (Trường)	4	Pháp luật (Huyền)	2
	Chiều					Tiếng anh (K.Nhung)	2
TL64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (N.Đức) KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mai) Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	4	KTNS xã phường (T.Thảo)	4
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Quản lý chất lượng TS (Liên)	1 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4

KTM64	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Động cơ đốt trong (Đông) 3	Động cơ đốt trong (Đông) 4	Động cơ đốt trong (Đông) 4	Động cơ đốt trong (Đông) 4	Động cơ đốt trong (Đông) 4
NTTS64	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh) 3	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh) 4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh) 4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh) 4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh) 4
Các lớp K65B	Sáng			Tiếng anh (T.Nhung) 4		
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (T.Nhung) 3	GDTC (Quang)	Pháp luật (Nga) 4	GD chính trị (Quế) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN						
THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7		Chủ nhật	
TT64A2	Sáng	Cây rau (Huệ) 4	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Bệnh cây CK (Hương) 4		Khí tượng NN (Lịch) 4	
	Chiều	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4		Cây dược liệu (Bình) 4	
TT64A3	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Giống cây trồng (Huyền) 4		Cây lương thực (Bình) 4	
P.B204	Chiều	Hoá BVTV (Hương) (P.B301) 4	Hoá BVTV (Hương) 4		Bệnh cây đại cương (Lịch) 4	
CN64A2	Sáng	Dược lý thú y (Duyên) 4	Sinh hoạt lớp (Phượng) 1 VSV - TN (Phượng) 4		KTNPTB cho lợn (Hung) 4	
P.B205	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) (P.B302) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4		KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 4	

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THANH HÓA
 Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 14/09/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	<i>HDTN (Nhưng)</i> 1	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Hà) 2
		Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 2	Vật lý (Dịu) 2	Hóa học (Doan) 2
		Địa lý (Thuý) 1				
VH63B3 P.B301	Sáng	Toán (Lan Anh) 4	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hằng) 4	Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quế) 2
			Địa lý (Quỳnh) 2		Toán (Lan Anh) 2	Địa lý (Quỳnh) 2
VH63B4 P.B302	Sáng	<i>HDTN (Dự)</i> 1	Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Linh) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Hóa học (Vân) 2
		Lịch sử (Dự) 3	Hóa học (Vân) 2	Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B5 P.B303	Sáng	<i>HDTN (Quế)</i> 1	Lịch sử (Hằng) 2	Địa lý (Nga) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Ngữ văn (Hường) 2
		Toán (Quý) 3	Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Hằng) 2	GDKT và PL (Quế) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Linh) 1	GDKT và PL (Tài) 2	Lịch sử (Lý) 2	Vật lý (Hoà) 2	Toán (Nhưng) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2	Địa lý (Linh) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Lý) 2
VH63B7 P.B305	Sáng	<i>HDTN (Nga)</i> 1	Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	GDKT và PL (Nga) 2	Lịch sử (Lý) 2
		Ngữ văn (H.Hà) 3	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Lý) 2	Toán (Quý) 2	Hóa học (Vân) 2
VH63B8 P.B306	Sáng	<i>HDTN (K.Nhưng)</i> 1	Toán (Quý) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2	Địa lý (Linh) 2	Toán (Quý) 2
		Ngữ văn (Hương) 3	Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hương) 2
VH64B1	Sáng	<i>HDTN (Hằng)</i> 1	Hóa học (Doan) 2	Toán (Nhưng) 2	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2
		Ngữ văn (Hằng) 3	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2	Lịch sử (Hà) 2	Lịch sử (Hà) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	<i>HDTN (Vân)</i> 1	Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Dự) 2	Địa lý (Thuý) 4	GDKT và PL (Quỳnh) 2
		Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2		Ngữ văn (Hường) 2
		Hóa học (Vân) 1				

VH64B4 P.E201	Sáng	HDTN (H.Nga) Địa lý (Nga)	1 3	Toán (Nhưng) Ngữ văn (Hương)	2 2		Lịch sử (Hằng) Ngữ văn (Hương)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Hằng)	2 2	
VH64B5 P.E102	Sáng	HDTN (Hoà) Lịch sử (Nhưng)	1 3	Ngữ văn (Thiên Lý) GDKT và PL (Quyên)	2 2		GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Địa lý (Quỳnh) Vật lý (Hoà)	2 2	
VH64B6 P. B101	Sáng	HDTN (H. Hà) Địa lý (Linh) GDKT và PL (Quyên)	1 2 1	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Toán (Quý) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Quý) Địa lý (Linh)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2
VH64B8 P.E204	Sáng	HDTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Quỳnh) Lịch sử (Dự)	2 2	Toán (Lan Anh) Sinh học (Hồng)	2 2	GDKT và PL (Tài) Sinh học (Hồng)	2 2
VH65B1	Sáng	HDTN (Thuý) Địa lý (Thuý) GDKT và PL (Thuý)	1 2 1	Địa lý (Thuý) Hoá học (Doan)	2 2		Lịch sử (Hà) Ngữ văn (Hằng)	2 2	Toán (Hương) GDKT và PL (Thuý)	2 2	
VH65B2 P.E301	Chiều	HDTN (Quyên) Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	1 2 1	Địa lý (Thuý) Lịch sử (Dự)	2 2	Vật lý (Dịu) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Lịch sử (Dự) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Vật lý (Dịu) Địa lý (Thuý)	2 2
VH65B3 P.E302	Chiều	HDTN (Quý) Toán (Quý) GDKT và PL (Thắm)	1 2 1	Địa lý (Quỳnh) Hoá học (Vân)	2 2	Toán (Quý) Vật lý (Dịu)	2 2	Ngữ văn (Lý) Hoá học (Vân)	2 2	Ngữ văn (Lý) Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B4 P.E304	Chiều	HDTN (Mạnh) GDKT và PL (Nga) Hoá học (Vân)	1 1 2	GDKT và PL (Nga) Địa lý (Thuý)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Hoá học (Vân)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Vật lý (Hoà)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HDTN (Hương) Ngữ văn (Hương) GDKT và PL (Nga)	1 2 1	Địa lý (Linh) GDKT và PL (Nga)	2 2	Ngữ văn (Hương) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Địa lý (Linh) Vật lý (Dịu)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HDTN (Linh) Sinh học (Phượng) Vật lý (Hoà)	1 1 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Quỳnh)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Quỳnh) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Nhưng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HDTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Quỳnh)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Địa lý (Quỳnh)	2 2	GDKT và PL (Nga) Toán (Lan Anh)	2 2

VH65B8 P.B202	Chiều	HDTN (Hường)	1	Lịch sử (Hằng)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Ngữ văn (Hường)	2	Toán (Lan Anh)	2
		GDKT và PL (Quyên)	1	Địa lý (Linh)	2	Ngữ văn (Hường)		Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Linh)	2
		Toán (Lan Anh)	2								
VH65B9 P.B203	Chiều	HDTN (Hồng)	1	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Địa lý (Quỳnh)	2	Toán (Lan Anh)	2	Địa lý (Quỳnh)	2
		Toán (Lan Anh)	1	Lịch sử (Hằng)	2	Sinh học (Hồng)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2
		Sinh học (Hồng)	2								
VH65B10 P.B103	Chiều	HDTN (Thắm)	1	Lịch sử (Dự)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Địa lý (Thuý)	2	Địa lý (Thuý)	2
		GDKT và PL (Thắm)	1	Sinh học (Hồng)	2	Hóa học (Vân)	2	Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	2
		Lịch sử (Dự)	2								


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH HỒ
 Đoàn Văn Lưu